

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành học: **Sư phạm Lịch sử** (History Teacher Education)

Mã ngành: 7140218

Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 4 năm

Danh hiệu: Cử nhân

Đơn vị quản lý: Bộ môn: Sư phạm Lịch sử - Khoa Sư phạm

1. Mục tiêu đào tạo

- a. Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử đào tạo sinh viên trở thành giáo viên ngành lịch sử có kiến thức và kỹ năng sư phạm tốt, đáp ứng nhu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam; người công dân tốt, người giáo viên trung thực và sáng tạo, nhân ái và khoan dung, tận tụy vì sự nghiệp giáo dục thế hệ tương lai; sống gương mẫu, có ý thức trách nhiệm cao với bản thân, gia đình, Tổ quốc và cộng đồng quốc tế; có bản lĩnh vững vàng trong một thế giới thay đổi từng ngày.
- b. Sinh viên tốt nghiệp có thể làm làm công tác giảng dạy, nghiên cứu và quản lý tại các trường học, các phòng giáo dục, các cơ sở giáo dục, các trung tâm, viện nghiên cứu.

2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo sinh viên có kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau:

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

- a. Hiểu biết cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- b. Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
- c. Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh/tiếng Pháp tương đương trình độ A Quốc gia.
- d. Có kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm cơ bản khác.

2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

- a. Hiểu biết sâu sắc về khoa học giáo dục, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm nhằm làm cơ sở lý luận cho các công tác giáo dục và dạy học trong nhà trường.
- b. Hiểu biết các tư tưởng, quan điểm và các nguyên tắc trong thiết kế chương trình môn học trong trường phổ thông.
- c. Nắm vững một số phương pháp nghiên cứu khoa học thông dụng trong giáo dục; nắm vững các nguyên tắc, các phương pháp dạy học khác nhau và cơ sở lý luận của chúng.
- d. Hiểu biết công tác dạy học trong nhà trường trung học phổ thông; biết được các xu hướng dạy học hiện đại trong dạy học môn học; có kiến thức sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học.
- e. Nắm được các phương pháp, thủ thuật giảng dạy đặc thù của môn học nhằm phát huy tính tích cực, phát triển tư duy và rèn luyện khả năng tự học của học sinh.
- f. Hiểu biết cơ sở lý luận và các phương pháp kiểm tra, đánh giá đối với hoạt động giáo dục và dạy học ở bậc trung học phổ thông.
- g. Hiểu rõ vai trò, nhiệm vụ và tầm quan trọng của công tác chủ nhiệm lớp; biết được ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của những yếu tố đời sống, văn hóa, xã hội, dân tộc và tôn giáo... đến việc học tập và hành vi đạo đức của học sinh.
- h. Hiểu rõ vai trò của phụ huynh học sinh, các đoàn thể chính trị trong và ngoài trường trong việc giáo dục học sinh.

2.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

- a. Nắm vững kiến thức chuyên ngành Lịch sử đã học để đảm bảo tính khoa học, tính sư phạm, tính hệ thống và tính thực tiễn khi dạy học.
- b. Vận dụng được những hiểu biết về quá trình phát triển của Sử học thế giới và Sử học Việt Nam, tiến trình lịch sử dân tộc và nhân loại trong học tập, nghiên cứu và đáp ứng được yêu cầu dạy học Lịch sử ở trường phổ thông.
- c. Lựa chọn, vận dụng được dụng các quan điểm dạy học, các phương pháp, phương tiện phù hợp mục tiêu, nội dung dạy học, đối tượng, hình thức tổ chức dạy học Lịch sử một cách hiệu quả nhất.
- d. Kết hợp tốt hoạt động dạy học Lịch sử và hoạt động giáo dục trong nhà trường.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

- a. Lập kế hoạch dạy học
 - Xây dựng kế hoạch dạy học môn học ở từng cấp lớp, biết thiết kế giáo án giảng dạy cho từng tiết học với các mục tiêu dạy học rõ ràng và các hoạt động dạy học được tổ chức có tính sư phạm cao.
 - Chọn lọc và sắp xếp các chủ đề hoặc nội dung dạy học theo trình tự hợp lý nhằm giúp học sinh dễ dàng đạt được mục tiêu học tập.
 - Vận dụng các phương pháp dạy học và phương tiện dạy học khác nhau trong quá trình dạy học nhằm giúp học sinh học tập một cách tích cực và hiệu quả.
- b. Điều khiển quá trình dạy học
 - Tạo ra bầu không khí học tập ở lớp trong đó thái độ tích cực học tập của học sinh và các ý kiến khác nhau của học sinh được phát huy và tôn trọng.
 - Quản lý các hoạt động trong lớp một cách hiệu quả. Biết đưa ra những hướng dẫn một cách rõ ràng cho các hoạt động trong lớp và biết cách thu hút học sinh vào các hoạt động trong lớp.
- c. Giáo dục học sinh
 - Quản lý hành vi của học sinh và nâng cao tinh thần trách nhiệm trong học tập của học sinh.
 - Xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác chủ nhiệm gắn với kế hoạch dạy học và có các biện pháp giáo dục phù hợp với đặc điểm học sinh của lớp.
 - Khai thác bài học, liên hệ với thực tế cuộc sống để giáo dục học sinh.
 - Tổ chức các buổi ngoại khóa, tham quan học tập, sinh hoạt tập thể thích hợp hoặc phối hợp với Đoàn Thanh niên thực hiện các hoạt động khác nhau nhằm giáo dục học sinh.
- d. Đánh giá kết quả học tập của học sinh
 - Vận dụng các chiến lược khác nhau để đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.
 - Đưa ra nhận định chính xác và tin cậy về sự tiến bộ của học sinh.
 - Vận dụng kết quả đánh giá học sinh để đề ra tiến trình bài giảng, kế hoạch dạy học và kế hoạch giáo dục học sinh tiếp theo.
- e. Xây dựng, bảo quản và sử dụng có hiệu quả hồ sơ giáo dục và giảng dạy.

2.2.2 Kỹ năng mềm

- a. Phân tích, tổng hợp, phê phán và kỹ năng học tập suốt đời.
- b. Làm việc độc lập, sáng tạo và hợp tác.
- c. Tìm và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để nâng cao trình độ và nâng cao hiệu quả cho các mặt công tác khác nhau của người giáo viên.
- d. Phân tích thực tiễn và rút ra hay tận dụng những cơ hội sẵn có nhằm đem lại lợi ích cho bản thân, học sinh và nhà trường.
- e. Phát hiện và giải quyết được các vấn đề liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh.
- f. Đề ra một chương trình hành động cho bản thân nhằm đạt được sự thăng tiến trong nghề nghiệp.

g. Hợp tác với cộng đồng:

- Lôi cuốn và phối hợp với phụ huynh học sinh vào quá trình giáo dục học sinh.
- Làm việc hiệu quả với chuyên gia ngoài trường, các đồng sự trong hoạt động nghề nghiệp, các cơ quan, đoàn thể để gia tăng cơ hội học tập, giáo dục cho học sinh và xây dựng nhà trường.

2.3 Thái độ

2.3.1 Tinh thần công dân

- a. Sống và làm việc theo pháp luật.
- b. Sống vì sự nghiệp “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh”.
- c. Có ý thức trách nhiệm cao với bản thân, gia đình, Tổ quốc và cộng đồng quốc tế
- d. Có bản lĩnh vững vàng trong một thế giới thay đổi từng ngày.

2.3.2 Đạo đức nghề nghiệp

- a. Có lòng yêu nghề.
- b. Có tinh thần học hỏi, có ý chí không ngừng nâng cao kiến thức và rèn luyện kỹ năng sư phạm để hoàn thành càng ngày càng tốt hơn công tác giảng dạy và giáo dục học sinh.
- c. Thương yêu, vị tha và tôn trọng nhân phẩm của học sinh; biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của học sinh; đối xử công bằng và bình đẳng với học sinh.
- d. Có tinh thần làm việc hợp tác với đồng nghiệp và cộng đồng.
- e. Tôn trọng nội quy, quy chế làm việc của ngành giáo dục.

2.3.3 Đạo đức cá nhân

- a. Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc và nghề giáo.
- b. Có tác phong sinh hoạt mẫu mực, làm tấm gương tốt cho học sinh.

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Có thể làm công tác giảng dạy lịch sử tại các trường tiểu học, các trường trung học, các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, các trường cao đẳng và đại học.
- Có thể làm công tác chuyên viên và quản lý ở các trường học, các phòng giáo dục, các cơ sở giáo dục.
- Có thể làm công tác nghiên cứu lịch sử tại các trung tâm, viện nghiên cứu.
- Có thể các công việc khác thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có năng lực học tập suốt đời; có đủ kiến thức để học lên bậc thạc sĩ ngành lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới, dân tộc học, lịch sử địa phương, lý luận và phương pháp dạy học, ngành quản lý giáo dục ở trong và ngoài nước, và các ngành có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.
- Có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học cấp sơ sở hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp khác nhau về khoa học lịch sử và khoa học giáo dục.

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo

5.1 Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết hội nghị Trung ương 8, khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo.
- Định hướng đổi mới sách giáo khoa Phổ thông- Đề án Đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông sau năm 2015.
- Mục tiêu của giáo dục Việt Nam; Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam đến năm 2020.

5.2 Cơ sở tham khảo

- Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo của Đại học Sydney (Úc), Viện Giáo dục Quốc tế (Singapore), và các Trường Sư phạm của Hàn Quốc.
- Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học và trung học phổ thông.

- Chuẩn đầu ra trình độ đại học khối ngành Sư phạm Đào tạo giáo viên Trung học phổ thông- Dự án Phát triển giáo viên Trung học Phổ thông- Trung cấp chuyên nghiệp (Bộ Giáo dục Đào tạo và ADB-2012).
- Mục tiêu và chuẩn đầu ra của các Khoa/ Trường sư phạm trong nước.

6. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương									
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành	
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành	
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	Bố trí theo nhóm ngành	
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	Bố trí theo nhóm ngành	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		I, II, III
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60			I, II, III
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023	I, II, III
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024	I, II, III
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025	I, II, III
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031	I, II, III
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032	I, II, III
12	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45			I, II, III
13	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004	I, II, III
14	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	4			60		XH005	I, II, III
15	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)	3			45		XH006	I, II, III
16	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3		45		FL004	I, II, III	
17	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)	4		60		FL005	I, II, III	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			I, II, III
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		I, II, III
20	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2		30			I, II, III
21	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3		45		ML009	I, II, III
22	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML010	I, II, III
23	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45		ML006	I, II, III
24	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			I, II, III
25	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			I, II, III
26	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			I, II, III
27	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			I, II, III
28	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			I, II, III
29	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			I, II, III
30	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		I, II, III
31	SG011	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30			I, II, III
32	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30			I, II, III
Cộng: 42 TC (Bắt buộc: 27 TC; Tự chọn: 15 TC)									
Khối kiến thức Cơ sở ngành									
33	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	2		20	20	SP009	I, II
34	SP079	Giáo dục học	3	3		45		SP010	I, II
35	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2	2		30		SP079	I, II, III
36	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	2		15	30	SP079	I, II
37	SP013	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Giáo dục	1	1		15			I, II
38	SG104	Nguyên lí dạy học Lịch sử	2	2		30		SP079	I, II
39	SG105	Phương pháp dạy học Lịch sử	2	2		15	30	SG104	I, II
40	SG106	Thiết kế chương trình Lịch sử	2	2		15	30	SG105	I, II
41	SG107	Phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử	1	1			30	SP013	I, II
42	SG108	Đánh giá kết quả học tập Lịch sử	2	2		15	30	SG105	I, II
43	SP241	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử ở phổ thông	2	2		15	30	SG106	I, II
44	SG378	Tập giảng môn Lịch sử	2	2			60	SG106	I, II
45	SG379	Kiểm tập sư phạm Lịch sử	2	2			60	SP079	I

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
46	SG380	Thực tập Sư phạm Lịch sử	3	3			90	SP241, SG379	II
47	SP227	Thực tế ngoài trường - SP.Sử	1	1			30		I, II
48	SG140	Nhập môn khoa học Lịch sử	2	2		30			I, II
49	SG109	Phương pháp luận sử học	2	2		30			I, II
50	SG381	Rèn luyện nghiệp vụ Sư phạm Lịch sử	3	3		15	60	SG105	I, II
Cộng: 36 TC (Bắt buộc: 36 TC; Tự chọn: 0 TC)									
Khối kiến thức Chuyên ngành									
51	SP494	Lịch sử Thế giới cổ trung đại 1	3	3		45			I, II
52	SP495	Lịch sử Thế giới cổ trung đại 2	3	3		45		SP494	I, II
53	SP496	Lịch sử Thế giới cận đại 1	3	3		45		SP495	I, II
54	SG382	Lịch sử Thế giới cận đại 2	3	3		45		SP496	I, II
55	SP498	Lịch sử Thế giới hiện đại 1	3	3		45		SG382	I, II
56	SP499	Lịch sử Thế giới hiện đại 2	3	3		45		SP498	I, II
57	SP500	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 1	3	3		45			I, II
58	SG383	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2	3	3		45		SP500	I, II
59	SP502	Lịch sử Việt Nam cận đại 1	3	3		45		SG383	I, II
60	SG384	Lịch sử Việt Nam cận đại 2	3	3		45		SP502	I, II
61	SP504	Lịch sử Việt Nam hiện đại 1	3	3		45		SG384	I, II
62	SP505	Lịch sử Việt Nam hiện đại 2	3	3		45		SP504	I, II
63	SP233	Lịch sử Đông Nam Á	2	2		30			I, II
64	SP231	Khảo cổ học	2	2		30			I, II
65	SP232	Dân tộc học đại cương	2	2		30			I, II
66	SG300	Lịch sử địa phương	2	2		15	30		I, II
67	XH127	Hán Nôm căn bản	2			30			I, II
68	SP196	Anh văn chuyên môn Lịch sử	2		2	30		XH025	I, II
69	XH018	Pháp văn chuyên môn - KHXH	2			30		XH006	I, II
70	SP235	Lịch sử văn minh thế giới	2		2	30			I, II
71	SP236	Lịch sử quan hệ quốc tế	2			30			I, II
72	SG301	Lịch sử tư tưởng Phương Đông	2		2	30			I, II
73	SG302	Lịch sử tư tưởng Phương Tây	2			30			I, II
74	SP595	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	2		2	30			I, II
75	SP200	Lịch sử văn minh Việt Nam	2			30			I, II
76	SP511	Luận văn tốt nghiệp - Lịch sử	10			300		≥ 105 TC	I, II
77	SP510	Tiểu luận tốt nghiệp - Lịch sử	4			120		≥ 105 TC	I, II
78	SP509	Chuyên đề Lịch sử thế giới	2			30			I, II
79	SP508	Chuyên đề Lịch sử Việt Nam	2			30			I, II
80	SP506	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2		10	30			I, II
81	SG303	Lịch sử kinh tế quốc dân	2			30			I, II
82	SG304	Phong tục tập quán các dân tộc Việt Nam	2			30			I, II
83	SP025	Lịch sử khẩn hoang Nam Bộ	2			30			I, II
84	SP234	Lý luận và lịch sử tôn giáo	2			30			I, II
Cộng: 62 TC (Bắt buộc: 44 TC; Tự chọn: 18 TC)									
Tổng cộng: 140 TC (Bắt buộc: 107 TC; Tự chọn: 33 TC)									

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường hoặc học tích lũy.

BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG KH và ĐT
CHỦ TỊCH

Ngày 09 tháng 01 năm 2018
KHOA SƯ PHẠM
TRƯỞNG KHOA



Hà Thanh Toàn

Lê Việt Dũng

Nguyễn Văn Nở

